TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24-4-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Việt Hùng;

Ông Tống Đức Hưởng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Đại Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 570/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Thị P, sinh năm 1982; CCCD số 072182004557, ngày cấp: 16/9/2021, nơi cấp: Bộ C. Nơi cư trú: Tổ E, ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- ***Bị đơn***: Anh Cao Văn K, sinh năm 1978; CCCD số 072078011158, ngày cấp: 16/9/2021, nơi cấp: Bộ C. Nơi cư trú: Tổ E, ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Chị P có đơn xin vắng mặt, anh K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị P trình bày:

Trình độ học vấn của chị là 02/12, chị nghe được và hiểu rõ Tiếng Việt, chị đề nghị Tòa án tiến hành ghi lời khai và không yêu cầu người phiên dịch trong quá trình giải quyết vụ án này.

Chị và anh Cao Văn K sống chung với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường B, tỉnh Tây Ninh), hôn nhân tự nguyện.

Trong thời gian sống chung ban đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng thường xuyên gây gỗ với nhau, anh K thường xuyên uống rượu, bia về nhà chửi và đánh chị nhiều lần, có lần gây thương tích, chị không đi bệnh viện mà có nhờ địa phương can thiệp, nhắc nhở nhiều lần nhưng đến nay anh K vẫn không thay đổi. Hiện nay vợ chồng vẫn còn sống chung nhà, do anh K thường xuyên đánh chị nên chị đi làm Công ty thỉnh thoảng có về nhà, nay chị nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với anh K được nữa và yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Thị T, sinh ngày 06/9/2008 và Cao Lâm M, sinh ngày 30/10/2014, nhưng hiện nay cháu M đã chết, còn cháu T đang sống chung nhà với vợ chồng chị. Sau ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu T, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Cao Văn K có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Anh không có đi học, anh nghe được và hiểu rõ Tiếng Việt, đề nghị Tòa án tiến hành ghi lời khai và không yêu cầu người phiên dịch trong quá trình giải quyết vụ án này.

Anh và chị P sống chung với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường B, tỉnh Tây Ninh), hôn nhân tự nguyện.

Trong thời gian sống chung ban đầu hạnh phúc, đến khoảng hơn một năm nay chị P thay đổi tính tình thường xuyên bỏ nhà đi, thời gian đầu thì khoảng 02 tuần về nhà một lần, nay khoảng mấy tháng sau mới về ở hàng xóm một lần và ngủ lại 01 đến 02 ngày rồi đi tiếp, theo anh tìm hiểu và nghe nói lại thì nguyên nhân chị P đi là theo người đàn ông nào đó làm thầy thuốc chưa bệnh cho người khác.

Anh có thường xuyên uống rượu, bia về nhà có khuyên chị P về nhà sống với chồng con nhưng chị P không nghe, trong lúc nóng giận anh có đánh chị P, từ đó đến nay chị P không về nhà luôn, ngoài lần đó đến nay anh không có đánh chị P lần nào nữa. Nay chị P yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, anh để cho chị P đi thời gian và có thay đổi suy nghĩ hay không.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Thị T, sinh ngày 06/9/2008 và Cao Lâm M, sinh ngày 30/10/2014, nhưng hiện nay cháu M đã chết, hiện nay cháu T đã có chồng đang sống chung nhà với anh. Nếu phải ly hôn ý kiến của cháu Tha thế N thì anh đồng ý như vậy.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với anh Cao Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh K là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy giữa chị P và anh K đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2025 cho đến nay không thể hàn gắn được nên chị P yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Do đó căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị P đối với anh Cao Văn K.

- Về nuôi con chung: Chị P và anh K có 01 người con chung tên Thị T, sinh ngày 06/9/2008, theo nguyện vọng của cháu T muốn sống với anh K. Do đó, cần giao con chung cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận anh K không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh K không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thị P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Thị P là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; anh Cao Văn K là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh K.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Thị P và anh Cao Văn K chung sống với nhau từ năm 2008, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án anh K không đồng ý ly hôn với chị P mà muốn đoàn tụ. Xét thấy, tại biên bản ghi lời khai ngày 12/01/2026 anh K thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh thường xuyên uống rượu, bia về nhà cãi vã và đánh chị P nên vợ chồng đã ly thân từ khoảng 01 năm nay. Ngoài ra, từ khi chị P nộp đơn ly hôn cho đến nay, Tòa án đã triệu tập anh K nhiều lần để tiến hành hòa giải nhưng anh vẫn không đến, cũng không tác động để chị P về nhà sống đoàn tụ, như vậy cho

thấy anh K không có thiện chí hòa giải với chị P để đoàn tụ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, giữa anh K, chị P đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được và chị P yêu cầu ly hôn với anh K là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị P và anh K hiện có 01 người con chung tên Thị T, sinh ngày 06/9/2008, đang sống chung nhà với chị P và anh K. Trong quá trình giải quyết vụ án chị P có nguyện vọng nuôi con chung nhưng theo nguyện vọng của cháu T muốn sống chung với anh K, vì đang sống tại nhà anh K. Xét thấy, từ khi chị P và anh K ly thân cho đến nay, cháu T sống ổn định tại nhà với anh K và nguyện vọng của cháu T muốn sống với anh K nên để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung, cần giao cháu Thị T cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh K không yêu cầu chị P có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung cùng với anh.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị P, anh K không yêu cầu giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thị P là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị P và anh Cao Văn K.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Thị T, sinh ngày 06/9/2008 cho anh Cao Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh K không yêu cầu chị P có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung cùng với anh.

Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị P, anh K không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu số 0009235 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh T; chị Thị P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Thị P, anh Cao Văn K có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Quốc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA